

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2017/DS – PT

Ngày: 19-12-2017

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Như Hiến

- **Các Thẩm phán:** Ông Nguyễn Gia Lương
Bà Phạm Thị Minh Hiền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thiêm. - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang:** Bà Nguyễn Thị Tuyết
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Trong các ngày 12 và 19 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2017/TLPT- DS ngày 02/11/2017, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS – ST ngày 05/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện LG, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 113/2017/QĐ – PT ngày 27/11/2017; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 43/2017/QĐ – PT ngày 12/12/2017 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Xuân Đ1, sinh năm 1960 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn QT, xã XL, huyện LG, Bắc Giang.

* **Bị đơn:** 1. Ông Nguyễn Văn B1 sinh năm 1967 (có mặt).

2. Bà Phạm Thị S1, sinh năm 1968 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: Thôn QT, xã XL, huyện LG, Bắc Giang.

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1965

Nơi cư trú: Thôn QT, xã XL, huyện LG, Bắc Giang.

2. Bà Nguyễn Thị B2, sinh năm 1957

Nơi cư trú: Thôn TM, Thị trấn V, huyện LG, Bắc Giang.

3. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1972

Nơi cư trú: Thôn SC, xã TH,, huyện LG, Bắc Giang.

4. Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1962

Nơi cư trú: Thôn QT, xã XL, huyện LG, Bắc Giang.

5. Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1950

Nơi cư trú: Thôn 4 Quyết Thắng 1, xã XL, huyện LG, Bắc Giang.

6. Bà Nguyễn Thị S2, sinh năm 1954

Nơi cư trú: Thôn QT, xã XL, huyện LG, Bắc Giang.

Tất cả những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trên gồm: bà N2, bà S2, bà N1, bà B2, bà T2, chị T1, đều ủy quyền cho Ông Nguyễn Văn B1 đại diện tham gia tố tụng.

7. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Thôn QT, xã XL, huyện LG, Bắc Giang.

8. Anh Nguyễn Xuân X1, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn QT, xã XL, huyện LG, Bắc Giang.

9. Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1962

Nơi cư trú: Thôn QT, xã XL, huyện LG, Bắc Giang.

Bà H2, chị H1, anh X1 đều vắng mặt, ủy quyền cho ông Đ1 đại diện tham gia tố tụng.

10. UBND xã XL do ông Nguyễn Trọng L1- Phó Chủ tịch xã đại diện theo ủy quyền (vắng mặt).

Địa chỉ: xã XL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

11. UBND huyện LG do ông Nghiêm Phú S2- Phó Phòng tài nguyên và môi trường đại diện theo ủy quyền (vắng mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn Ông Nguyễn Xuân Đ1

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Bản án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2015 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là Ông Nguyễn Xuân Đ1 trình bày:**

Năm 1992 mẹ ông là bà Giáp Thị H3 được hợp tác xã UBND xã XL, giao cho canh tác thửa đất số 621 tờ bản đồ 07 diện tích 548m² ở thôn QT, xã XL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang, nhưng bà đã cho bà Nguyễn Thị H4 mượn để canh tác. Ông không biết khi được giao đất và khi cho mượn đất có giấy tờ văn bản gì không. Năm 1994, UBND huyện LG cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 621, tờ bản đồ số 07, diện tích 548m² ở thôn QT, xã XL cho

bà Giáp Thị H3. Đến năm 2010, mẹ ông mất, ông được hưởng thừa kế và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này vào năm 2011. Ông có nhu cầu canh tác thửa đất này nên ông đến đòi Ông Nguyễn Văn B1 và Bà Phạm Thị S1 là người đang canh tác thửa đất trả lại ông thửa đất nhưng ông B1 bà S1 không đồng ý. Do đó ông đã khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông B1, bà S1 trả lại ông thửa đất thửa đất số 621, tờ bản đồ số 07, diện tích 548m² ở thôn QT, xã XL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang . Giá trị thửa đất là 21.000.000đ, khoảng 40.000đ/m².

Ngoài ra ông yêu cầu bồi thường thiệt hại cho ông do ông không được canh tác trên thửa đất 621 từ năm 2013 đến thời điểm làm đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện 18/5/2016, số tiền là 5.400.000đồng.

Đối với yêu cầu của ông B1 và bà S1 về việc hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H496943 cấp cho bà Giáp Thị H3. Ông không đồng ý.

Tại phiên toà hôm nay ông Đ1 bổ sung yêu cầu khởi kiện về yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại tổng số tiền 6.000.000đ (đã quy từ thóc thành tiền).

Tại phiên toà: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn luật sư Nguyễn Đăng Thị Thu H5 cho rằng một mình bà H4 sử dụng ba thửa đất 234, 621, 149 thì thừa tiêu chuẩn, chủ trương cấp đất thời điểm đó nếu hộ nào thửa đất thì trả lại hợp tác xã để giao cho người khác, như vậy bà Nguyễn Thị H4 không được sử dụng thửa số 621. Việc UBND xã XL tính bà Giáp Thị H3 là 01 nhân khẩu trong hộ ông Đ1 làm căn cứ xác định tiêu chuẩn giao đất cho hộ ông Đ1 bị thừa đất và xác định thửa 621 thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị H4 là không có căn. Nếu thửa đất 621 thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị H4 thì tại sao trước đây bà H4, nay là ông B1 không có ý kiến về việc thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Giáp Thị H3 nay là Ông Nguyễn Xuân Đ1. Bà H5 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông B1, bà S1 trả lại thửa đất 621 cho ông Đ1 và bồi thường thiệt hại số tiền 6.000.000đ. Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B1 và bà S1. Nguyên đơn là Ông Nguyễn Xuân Đ1 đồng ý với ý kiến của luật sư, không bổ sung gì.

Bị đơn là Ông Nguyễn Văn B1 và Bà Phạm Thị S1 trình bày: Mẹ ông là bà Nguyễn Thị H4 (tên thường gọi là bà C1) đã canh tác trên thửa đất số 621 tờ bản đồ số 07, diện tích 548m² ở thôn QT, xã XL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang từ trước năm 1975 (theo tiêu chuẩn mỗi nhân khẩu được 03 thước rau xanh). Năm 1992 chính quyền thôn tổ chức họp thôn và lập một bản kê khai đất mà các hộ đang sử dụng để cấp sổ thuế nông nghiệp gia đình. Sổ đất nông nghiệp (sổ xanh) năm 1993 của bà Nguyễn Thị H4 có thửa đất số 621. Năm 1993 bà S1 và mẹ ông đi họp kê khai cấp sổ đỏ. Khi đó trưởng thôn là ông Giáp Xuân L2 đã kê khai đất của các hộ gia đình trong đó có gia đình ông và mẹ ông vào tờ kê khai. Khi thấy đã kê khai đúng số thửa, do bà C1 không biết viết nên bà S1 vợ ông đã ký thay bà H4 (tên thường gọi là C1). Chính sách cấp đất lúc đó Nhà nước cấp đất theo

định suất, mỗi định xuất lao động chính thì được 1 sào 10 thước (tương đương 600m²) mẹ ông là lao động phụ thì được 1 sào 5 thước (tương đương 480 m²) cộng với 06 thước rau xanh (ông C1 đã mất vẫn có tiêu chuẩn 03 thước rau xanh, bà H4 được ba thước) nhưng do ruộng của mẹ ông là ruộng nước gò (không cấp nước qua hệ thống thủy lợi được, phụ thuộc vào nước mưa, chỉ canh tác được 01 vụ) nên được quy đổi thêm một phần diện tích nữa nên tổng diện tích mẹ ông được cấp tại thửa đất 621 là 548m². Ông xác định giá trị thửa đất thời điểm hiện tại là 21.000.000đ, khoảng 40.000đ/m².

Năm 1994 Nhà nước cấp giấy chứng nhận QSDĐ (sổ bìa đỏ) cho các hộ gia đình căn cứ trên tờ kê khai đất trước đó. Bà H4 không được cấp sổ bìa đỏ đối với thửa số 621, nhưng bà H4 không biết, còn vợ chồng cũng không biết là mẹ ông chưa được cấp sổ bìa đỏ nên vợ chồng ông cũng không có ý kiến gì.

Đến tháng 11/2012 thì vợ ông Đ1 là bà Nguyễn Thị H2 sang nhà ông bảo xin lại ruộng thì vợ chồng ông không đồng ý.

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ1 vì thửa đất đó nguồn gốc do mẹ ông được Hợp tác xã giao cho canh tác từ trước năm 1974, sau này vợ chồng ông là người canh tác đến nay. Năm 1993, bà Nguyễn Thị H4 đã làm tờ khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 621, nhưng lại bị tẩy xóa sửa thành Giáp Thị H3, nhưng phần người kê khai vẫn ghi là C1.

Ông cho rằng việc UBND huyện LG cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H4, sau này chuyển quyền sử dụng cho Ông Nguyễn Xuân Đ1 đối với thửa số 621 tờ bản đồ số 07 ở thôn QT, xã XL là sai. Ông đề nghị UBND huyện LG hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H406943 ngày 20/4/1994 cấp cho bà Giáp Thị H3 đã được chuyển quyền cho Ông Nguyễn Xuân Đ1 vào ngày 25/5/2011.

Ý kiến của Bà Phạm Thị S1: Bà đồng ý với ý kiến của Ông Nguyễn Xuân Đ1. Bà khẳng định khi bà cùng với bà Nguyễn Thị H4 đi kê khai đất để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chính bà là người ký chữ C1 vào phần người kê khai thay cho mẹ ông B1 (vì bà Huýt không biết chữ).

Tại phiên tòa ông B1 và bà S1 giữ nguyên yêu cầu.

*** Ý kiến của đại diện UBND huyện LG, ông Nghiêm Phú S1:**

Qua kiểm tra bản đồ địa chính năm 1992, sổ mục kê đất đai năm 1992, sổ theo dõi thuế nông nghiệp, quá trình sử dụng đất của hộ ông B1, bà S1 đủ căn cứ xác định nguồn gốc thửa đất số 621 do hộ bà Nguyễn Thị H4, ông Nguyễn Văn C1 sử dụng từ trước năm 1992 (thời điểm UBND tỉnh Hà Bắc có chính sách giao khoán ruộng cho các hộ theo chỉ thị 100) và sử dụng ổn định từ năm 1992 đến nay.

Quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 621, tờ bản đồ số 07: Xác định có việc sửa chữa tẩy xóa trong đơn xin đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ Nguyễn Thị H4 thành Giáp Thị H3. Việc này là không đúng trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về đối tượng được cấp: Trên thực tế hộ bà Nguyễn Thị H4 đang sử dụng thửa đất nhưng lại cấp cho hộ bà Giáp Thị H3 là không đúng đối tượng.

Quan điểm của UBND huyện: Trường hợp Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thửa số 621, tờ bản đồ số 07 ở thôn QT, xã XL, Lạng Giang, Bắc Giang cho bà Giáp Thị H3, sau này chuyển quyền cho Ông Nguyễn Xuân Đ1 là trái pháp luật.

Trường hợp này, căn cứ vào khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết Luật đất đai năm 2013 “Nhà nước không thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp trái pháp luật trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật đất đai nếu người được cấp giấy chứng nhận đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật”.

Quan điểm của UBND huyện LG: Đề nghị các cấp Tòa án có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật, hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H406943 ngày 20/4/1994 cấp cho bà Giáp Thị Huý đã được chuyển quyền cho Ông Nguyễn Xuân Đ1 vào ngày 25/5/2011. Để đảm bảo quyền lợi cho người sử dụng đất là ông B1 và bà S1.

UBND huyện rất mong các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án để giữ hòa khí và đảm bảo quyền lợi của các bên.

*** Ý kiến của đại diện UBND xã XL, huyện LG, do ông Nguyễn Trọng L1 đại diện theo ủy quyền:**

Ông Luyện: Qua kiểm tra sổ thuế đất nông nghiệp, bản đồ thửa đất thì thấy thửa đất có tranh chấp do bà Nguyễn Thị H4 và ông Nguyễn Văn C1 sử dụng từ trước năm 1992, sau đó là vợ chồng ông B1 và bà S1 sử dụng. Tờ khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1992 của bà Nguyễn Thị H4 khi chưa bị sửa chữa trong đơn có 03 thửa ruộng canh tác trong đó có thửa 621 diện tích 548m² hoàn toàn phù hợp với sổ thuế nông nghiệp gia đình số 64 mang tên chủ hộ là Nguyễn Văn Chuyên. Chính sách cấp giấy chứng nhận thời điểm năm 1992 là cấp cho các hộ đang thực tế sử dụng đất chứ không cấp mới hay chuyển đổi giữa các hộ. Kiểm tra định suất ruộng thời điểm chia ruộng năm 1992, hộ ông Đ1 có 04 nhân khẩu (ông Đ1, 02 con ông Đ1 và mẹ ông Đ1 là bà Giáp Thị H3, vợ ông Đ1 là bà Huệ là giáo viên không được tiêu chuẩn cấp đất), trong đó có 01 lao động chính (ông Đ1) và 03 lao động phụ, tổng diện tích được chia là 2040m² đất 02 lúa, trên thực tế hộ ông Đ1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2305m² đất, so với quy định là được cấp thửa 265m². Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 621 cho bà Giáp Thị H3 có nhiều sai sót về trình tự thủ tục, đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện UBND xã XL là ông Nguyễn Trọng L1 trình bày: Theo tiêu chuẩn tại thời điểm năm 1992, bà Nguyễn Thị H4 là lao động phụ được 1 sào 05 thước ruộng 02 lúa (một năm cấy được 02 vụ) + 03 thước tiêu chuẩn ruộng rau xanh của ông Nguyễn Văn C1 (chồng bà Huýt, ông C1 chết vẫn được tiêu chuẩn rau xanh) = 23 thước ruộng 02 lúa quy đổi ra ruộng

01 lúa là $31.5 \text{ thước}/15 = 2.1$ sào. Trên thực tế bà Nguyễn được giao canh tác thửa 234 là 08 thước, thửa 621 là 1 sào 08 thước, còn lại 272m^2 đất của thửa 149 thì được cho nhận thuê. Như vậy bà Nguyễn Thị H4 được giao đất đúng định suất, không thừa.

Ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện LG không chấp nhận yêu cầu đòi đất của Ông Nguyễn Xuân Đ1, và huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Giáp Thị H3 và Ông Nguyễn Xuân Đ1 đối với thửa đất số 621.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên toà: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đó chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Các đương sự đều chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng: Các điều 2, 3, 4, 38, 73, 74, khoản 2 Điều 106 luật đất đai năm 1993; các điều 26, 34, 35, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự Bộ luật tố tụng dân sự. Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Xuân Đại. Tạm giao cho Ông Nguyễn Văn B1 và bà Phạm Thị S1 tiếp tục sử dụng thửa đất số 621, tờ bản đồ số 07 ở thôn QT, xã XL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang. Kiến nghị UBND huyện LG làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất.

Chấp nhận yêu cầu của ông Đ1, bà S1: huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H406943 ngày 20/4/1994 cấp cho bà Giáp Thị H3 đã được chuyển quyền cho Ông Nguyễn Xuân Đ1 vào ngày 25/5/2011 đối với thửa đất số 621, tờ bản đồ số 07 ở thôn QT, xã XL, huyện Lạng.

Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DSST ngày 05/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện LG, tỉnh Bắc Giang đã xử:

Áp dụng các điều 2,3,4,20,21,73,74 luật đất đai năm 1993, khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 87 nghị định số 43/2014/NĐ – CP ngày 15/5/2014 của chính phủ quy định chi tiết luật đất đai năm 2013; Điều 32a Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004; các điều 26; 34; 34 khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 26 nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Xuân Đ1 về việc yêu cầu Ông Nguyễn Văn B1 và Bà Phạm Thị S1 trả lại thửa đất số 621, tờ bản đồ số 07 diện tích thực tế 536m^2 ở thôn QT, xã XL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang và bồi thường số tiền là 6.000.000 đồng

Tạm giao cho Ông Nguyễn Văn B1 và Bà Phạm Thị S1 tiếp tục sử dụng thửa đất số 621, tờ bản đồ số 07 diện tích thực tế 535,4m²; Canh phía Đông dài 15; cạnh phía tây dài 12,2; cạnh phía Bắc có chiều dài các đoạn là 20,4m; 7m; Cạnh phía Nam có chiều dài các đoạn là 5,2m – 4,5m – 4m – 31m ở thôn QT 3, xã XL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang đến khi có quyết định về chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất đối với thửa đất.

2. Chấp nhận yêu cầu của Ông Nguyễn Văn B1, Bà Phạm Thị S1: Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H406.943 ngày 20/4/1994 cấp cho bà Giáp Thị H3 đã được chuyển quyền cho Ông Nguyễn Xuân Đ1 vào ngày 25/5/2011 đối với thửa đất số 621, tờ bản đồ số 07 ở thôn QT, xã XL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

3. Án phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo:

Chi phí thẩm định: Ông Nguyễn Văn B1 và Bà Phạm Thị S1 tự nguyện chịu 1.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định tài sản. Xác nhận ông B1, bà S1 đã nộp đủ số tiền này.

Về án phí: Ông Nguyễn Xuân Đ1 phải chịu 1.350.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 1.000.000 đồng và 270.000 đồng ông Đ1 đã nộp tại các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0001584 ngày 24/12/2015 và biên lai số AA/2015/0001771 ngày 18/5/2016 của chi cục thi hành án dân sự huyện LG. Ông Đ1 còn phải nộp 80.000

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án cho các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 18/9/2017 nguyên đơn Ông Nguyễn Xuân Đ1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Ông Nguyễn Xuân Đ1 trình bày: Tại phiên tòa phúc thẩm ông không mời 2 luật sư H6 và H5 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông. Ông giữ nguyên nội dung kháng cáo với lý do: Diện tích thửa đất 621 đó là do Nhà nước cấp cho mẹ ông là Giáp Thị H3 để canh tác, mẹ ông cho bà H4 là mẹ của anh B1 chị S1 mượn canh tác, nay mẹ ông mất, ông là người được thừa kế, sổ đỏ của mẹ tôi hợp pháp, ông đề nghị anh B1 chị S1 trả lại cho ông. Việc Ủy ban nhân dân cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất này cho mẹ ông là nhầm thì ông cho rằng không đúng với lý do: tiêu chuẩn chia ruộng đất để canh tác thì mẹ ông có tiêu chuẩn được chia theo quy định nhưng ông không đưa ra được căn cứ chứng minh

Ông Nguyễn Văn B1, bà S1 trình bày: Ông bà không nhất trí với quan điểm của ông Đ1 trình bày với lý do: Thửa đất 621 này được gia ông sử dụng ổn định từ trước năm 1975 đến nay, hiện nay vẫn còn sổ bìa xanh cấp cho mẹ ông là bà

Nguyễn Thị H4; gia đình ông không mượn diện tích này của nhà Giáp Thị H3 để canh tác như lời ông Đ1 trình bày. Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi tên C1 (bố chồng) là do bà S1 ký. Trong quá trình kê khai làm sổ đỏ lúc đó thì Trưởng thôn tự kê khai rồi gọi ra ký vào tờ kê khai đó thì bà S1 ký chữ C1 vào phía cuối tờ kê khai này chứ không nắm rõ được tờ kê khai ghi rõ số thửa hay ký hiệu như thế nào. Nay tờ kê khai có sửa chữa gạch là Nguyễn Thị H4 sang Giáp Thị H3 là không đúng. Việc ông Đ1 khởi kiện yêu cầu ông bà trả lại diện tích thửa đất 621 là không đúng, ông bà không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ trong quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung:

Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ông Nguyễn Xuân Đ1. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của Ông Nguyễn Xuân Đ1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của Ông Nguyễn Xuân Đ1 không đồng ý với Bản án sơ thẩm xử bác yêu cầu kiện đòi thửa đất có diện tích 548m² tại xứ Đồng Bả, thuộc tờ bản đồ số 7 thôn QT, xã XL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang đối với Ông Nguyễn Văn B1 Bà Phạm Thị S1 thấy:

[1] Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy: “sổ bìa xanh” và “sổ thu thuế nhà nước” của gia đình ông Nguyễn Văn C1 bà Nguyễn Thị H4 thể hiện hộ bà Nguyễn Thị H4 đã sử dụng thửa đất 621 diện tích 548m² tại xứ Đồng Bả, thuộc tờ bản đồ số 7 thôn QT, xã XL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang từ những năm 1975 đến nay.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều thừa nhận đất có tranh chấp vẫn do hộ bà Nguyễn Thị H4 nay là vợ chồng Ông Nguyễn Văn B1, Bà Phạm Thị S1 quản lý sử dụng từ những năm 1975 cho đến nay.

[3] Mặc dù ông Nguyễn Xuân Đ1 cho rằng thửa đất này là của gia đình nhà ông sử dụng, mẹ ông là cụ Giáp Thị H3 chỉ cho mẹ ông B1 là cụ Nguyễn Thị H4 mượn sử dụng từ năm 1992 nhưng phía ông B1 bà S1 không thừa nhận nội dung này; ông Đ1 cũng không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh việc cụ Giáp Thị H3 cho cụ Nguyễn Thị H4 mượn đất này như ông Đ1 khai nên không có cơ sở chấp nhận lời khai này của Ông Nguyễn Xuân Đ1 là đúng.

[4] Mặc dù trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ cụ Giáp Thị H3 mẹ ông Đ1 được cấp diện tích 548m² đất tại thửa 621 thuộc tờ bản đồ số 7 thôn QT, xã XL huyện LG nhưng UBND xã XL và UBND huyện LG đều thừa nhận việc cấp thửa đất 621 này cho hộ bà Giáp Thị H3 là cấp nhầm do đất này là của bà Nguyễn Thị H4 sử dụng từ năm 1975 đến nay.

[5] Từ những nội dung, căn cứ trên thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Xuân Đ1 đòi Ông Nguyễn Văn B1, Bà Phạm Thị S1 trả lại 548m² đất tại thửa số 621, tờ bản đồ số 7 UBND xã XL, Lạng Giang và bồi thường 6 triệu đồng. Do vậy, Bản án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Xuân Đ1 là có căn cứ nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Ông Nguyễn Xuân Đ1.

[6] Do ông Nguyễn Xuân Đại không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên ông Đ1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và phải chịu chi phí tố tụng khác theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự. Do Ông Nguyễn Văn B1 và Bà Phạm Thị S1 tự nguyện chịu thay ông Đ1 tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên ông Đ1 không phải chịu chi phí này.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông Nguyễn Văn Đại phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ông Nguyễn Xuân Đ1 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các điều 2,3,4,20,21,73,74 luật đất đai năm 1993, khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Điều 87 nghị định số 43/2014/NĐ – CP ngày 15/5/2014 của chính phủ quy định chi tiết luật đất đai năm 2013; các điều 26; 34; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148; khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 26; khoản 1 Điều 29 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Xuân Đ1 về việc yêu cầu Ông Nguyễn Văn B1 và Bà Phạm Thị S1 trả lại thửa đất số 621, tờ bản đồ số 07 diện tích thực tế 536m² ở thôn QT, xã XL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang và bồi thường số tiền là 6.000.000 đồng

Tạm giao cho Ông Nguyễn Văn B1 và Bà Phạm Thị S1 tiếp tục sử dụng thửa đất số 621, tờ bản đồ số 07 diện tích thực tế 535,4m²; Cạnh phía Đông dài 15; cạnh phía Tây dài 12,2; cạnh phía Bắc có chiều dài các đoạn là 20,4m; 7m; Cạnh phía Nam có chiều dài các đoạn là 5,2m – 4,5m – 4m – 31m ở thôn QT 3,

xã XL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang đến khi có quyết định về chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất đối với thửa đất.

2. Chấp nhận yêu cầu của Ông Nguyễn Văn B1, Bà Phạm Thị S1: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H406.943 ngày 20/4/1994 phân cấp cho bà Giáp Thị H3 thửa đất số 621, tờ bản đồ số 07 ở thôn QT, xã XL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang (đã được chuyển quyền sử dụng cho Ông Nguyễn Xuân Đ1 vào ngày 25/5/2011).

3. Án phí, chi phí thẩm định:

Chi phí thẩm định: Ông Nguyễn Văn B1 và Bà Phạm Thị S1 tự nguyện chịu 1.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định tài sản. Xác nhận ông B1, bà S1 đã nộp đủ số tiền này.

Về án phí: Ông Nguyễn Xuân Đ1 phải chịu 1.350.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 1.000.000 đồng ông Đ1 đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0001584 ngày 24/12/2015 và được trừ số tiền 270.000 đồng ông Đ1 đã nộp tại biên lai số AA/2015/0001771 ngày 18/5/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LG. Ông Nguyễn Xuân Đ1 còn phải nộp 80.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Xuân Đ1 phải chịu 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số AA/2016/0004028 ngày 18/9/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện LG;
- Chi cục THADS LG;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Như Hiền